

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GIỒNG TRÔM  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2024/DS-ST  
Ngày: 31-7-2024  
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Khắc Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Thu Trang
2. Ông Huỳnh Đức Tâm

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Bình Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 156/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 254/2024/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 279/2024/QĐST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N

Địa chỉ: Đường L, phường T, Quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N

– Chi nhánh huyện G, tỉnh Bến Tre.

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng là ông Lê Minh K – Chức vụ: Phó giám đốc Agribank Chi nhánh huyện G, tỉnh Bến Tre theo văn bản ủy quyền ngày 17/4/2024.

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị D, sinh năm 1971

Ông Phạm Văn D1, sinh năm 1971

Ông Phạm Minh N, sinh năm 1990

Bà Phạm Ái N1, sinh năm 1992

Cùng địa chỉ: Ấp S, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre

Ông K có mặt. Ông D, bà D, ông N, bà N1 vắng mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn là ông Lê Minh K trình bày:*

Ngày 21/10/2021, ông Phạm Văn D1, ông Phạm Minh N, bà Phạm Ái N1 ký hợp đồng ủy quyền cho bà Phạm Thị D thực hiện các giao dịch và giao kết hợp đồng tín dụng vay vốn tại Agribank Chi nhánh huyện G, tỉnh Bến Tre số 7107LAV202106908. Số tiền được cấp hạn mức tín dụng là 150.000.000 đồng.

Tại giấy nhận nợ lần thứ nhất số 7107LDS202111292 ngày 25/10/2021, bà D vay số tiền 50.000.000 đồng. Mục đích vay chăn nuôi bò, dê sinh sản, thời hạn vay là 36 tháng. Kỳ hạn trả nợ chia làm 03 kỳ: Ngày 25/10/2022 phải trả 5.000.000 đồng; Ngày 25/10/2023 phải trả số tiền 15.000.000 đồng; Ngày 25/10/2024 phải trả 30.000.000 đồng. Lãi suất thả nổi là 9%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Dư nợ hiện tại là 30.000.000 đồng tiền gốc và 94.932 đồng tiền lãi.

Tại giấy nhận nợ lần thứ hai số 7107LDS202111293 ngày 25/10/2021, bà D vay số tiền 100.000.000 đồng. Mục đích vay sửa nhà, thời hạn vay là 36 tháng. Kỳ hạn trả nợ chia làm 03 kỳ: Ngày 25/10/2022 phải trả 30.000.000 đồng; Ngày 25/10/2023 phải trả số tiền 30.000.000 đồng; Ngày 25/10/2024 phải trả 40.000.000 đồng. Lãi suất thả nổi là 9%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Dư nợ hiện tại là 40.000.000 đồng tiền gốc và 130.192 đồng tiền lãi.

Tại giấy nhận nợ lần thứ ba số 7107LDS202212443 ngày 21/10/2022, bà D vay số tiền 35.000.000 đồng. Mục đích vay mua sắm vật dụng gia đình, thời hạn vay là 36 tháng. Kỳ hạn trả nợ chia làm 03 kỳ: Ngày 21/10/2023 phải trả 5.000.000 đồng; Ngày 21/10/2024 phải trả số tiền 10.000.000 đồng; Ngày 21/10/2024 phải trả 20.000.000 đồng. Lãi suất thả nổi là 9%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Dư nợ hiện tại là 30.000.000 đồng tiền gốc và 97.644 đồng tiền lãi.

Theo hợp đồng tín dụng thì hạn mức cho vay là 150.000.000 đồng. Agribank đã giải ngân đủ số tiền 150.000.000 đồng cho bà D theo như giấy nhận nợ lần 1 và lần 2. Do bà D đã trả nợ gốc và lãi đúng hạn theo phân kỳ trả nợ lần 1 tại giấy nhận nợ lần 1, 2 với số tiền tổng cộng là 35.000.000 đồng. Sau đó bà D có nhu cầu vay thêm nên Agribank đồng ý cho bà D vay thêm số tiền 35.000.000 đồng tại giấy nhận nợ lần thứ 3 nên số tiền cho vay lần 3 vẫn nằm trong hạn mức tín dụng 150.000.000 đồng.

Ngày 30/11/2022, bà D giao kết hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ Lộc

Việt với số tiền được cấp tín dụng là 30.000.000 đồng. Mục đích tiêu dùng cá nhân, thời hạn thế tín dụng là 36 tháng, trả nợ hàng tháng theo số tiền thanh toán tối thiểu. Ngày hết hạn thế tín dụng là ngày 30/11/2025. Lãi suất thả nổi là 13%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Dư nợ hiện tại là 27.271.603 đồng và 67.992 đồng tiền lãi.

Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng, Agribank đã giải ngân toàn bộ số tiền cho vay theo đúng như hợp đồng mà hai bên đã ký kết, bà D đã sử dụng hết số tiền thế tín dụng mà Agribank đã cấp.

Để đảm bảo cho khoản vay bà D, ông D đã ký kết hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2021.07.21.288/HĐTC ngày 21/10/2021 cho Agribank đối với tài sản là thửa đất số 209, tờ bản đồ số 17, diện tích 2.206,2m<sup>2</sup>, tọa lạc tại xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS576526, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS07656, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 22/10/2019. Hợp đồng thế chấp được Ủy ban nhân dân xã L, huyện G chứng thực và được đăng ký giao dịch đảm bảo tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện G ngày 21/10/2021.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, đến các phân kỳ trả nợ bà D thanh toán đầy đủ tiền gốc và lãi phát sinh tại phân kỳ trả nợ lần thứ nhất theo giấy nhận nợ lần thứ 1, 2 theo đúng như thỏa thuận đã ký kết. Tuy nhiên, đến phân kỳ trả nợ lần thứ 2 theo giấy nhận nợ lần 1, 2 và phân kỳ thứ nhất theo giấy nhận nợ lần 3 thì bà D vi phạm thỏa thuận đã ký kết, không trả cho Agribank số tiền nợ đến hạn là 50.000.000 đồng gốc và lãi phát sinh. Agribank đã nhiều lần yêu cầu bà D trả tiền nợ vay, bà D nhiều lần cam kết trả nợ nhưng không thực hiện, không có thiện chí trả nợ, cố tình trì hoãn kéo dài thời gian trả nợ. Bà D đã vi phạm hợp đồng tín dụng và vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án bà D đã thanh toán được cho Agribank số tiền nợ gốc và lãi tại phân kỳ trả nợ lần thứ 2 theo giấy nhận nợ lần 1, 2 và phân kỳ trả nợ lần 1 theo giấy nhận nợ lần 3. Tạm tính đến ngày 31/7/2024, bà D, ông D1, ông N, bà N1 còn nợ Agribank số tiền nợ gốc theo giấy nhận nợ lần 1, 2, 3 là 100.000.000 đồng, tiền lãi là 322.768 đồng và nợ tiền thế tín dụng là 27.271.603 đồng tiền gốc và 67.992 đồng tiền lãi.

Mặc dù hiện nay bà D đã trả được nợ gốc và lãi tại phân kỳ trả nợ lần thứ 2 theo giấy nhận nợ lần 1, 2 và phân kỳ trả nợ lần 1 theo giấy nhận nợ lần 3 nhưng bà D đã vi phạm thỏa thuận trả nợ, khoản vay theo hợp đồng tín dụng của bà D đã chuyển sang nợ xấu, kéo theo hợp đồng thế tín dụng của bà D cũng chuyển sang nợ xấu nên Agribank khởi kiện yêu cầu được thu hồi nợ trước hạn. Yêu cầu bà D, ông D1, ông N, bà N1 có trách nhiệm trả số tiền nợ tạm tính đến ngày 31/7/2024 là 100.000.000 đồng và tiền lãi là 322.768 đồng theo hợp đồng tín dụng ngày 21/10/2021. Yêu cầu tiếp tục tính lãi, phí phát sinh trên dư nợ gốc theo mức lãi

suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 7107LAV202106908 từ ngày 01/8/2024 cho đến khi trả hết nợ. Trường hợp bà D, ông D1, ông N, bà N1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Agribank được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là thửa đất số 209, tờ bản đồ số 17, diện tích 2.206,2m<sup>2</sup>, tọa lạc tại xã L, huyện G do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp cho ông D1, bà D ngày 22/10/2019 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS576526, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS07656 để thu hồi nợ.

Đối với khoản nợ hợp đồng thẻ tín dụng là 27.271.603 đồng tiền gốc và 67.992 đồng tiền lãi. Agribank thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bà D có nghĩa vụ trả nợ, không yêu cầu ông D1, ông N, bà N1 có trách nhiệm cùng bà D trả nợ.

*Bị đơn bà Phạm Thị D, ông Phạm Văn D1, ông Phạm Minh N, bà Phạm Ái N1* đã được tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng mời đến tòa tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và dự phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án nhưng các ông bà vắng mặt không có lý do nên không có lời khai cũng như không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị D, ông Phạm Văn D1, ông Phạm Minh N, bà Phạm Ái N1 cùng cư trú tại ấp S, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre trả tiền nợ vay là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Bị đơn bà D, ông D1, ông N, bà N1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà D, ông D1, ông N, bà N1 là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Bà D, ông D1, ông N, bà N1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại tòa không có lý do thì xem như đã tự tước bỏ quyền được chứng minh, trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và phải chịu hậu quả pháp lý của việc vắng mặt đó. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận lời khai và tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án là phù hợp.

[2.1] Căn cứ vào hợp đồng ủy quyền số 2021.07.21.288 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2021.07.21.288/HĐTC được

Ủy ban nhân dân xã L chứng thực ngày 21/10/2021; Hợp đồng tín dụng số 7107LAV202106908 ngày 21/10/2021; Báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ số 7107LDS202111292 ngày 25/10/2021; số 7107LDS202111293 ngày 25/10/2021 và số 7107LDS202212443 ngày 21/10/2022 có căn cứ xác định bà D (đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông D1, ông N, bà N1) có giao kết hợp đồng tín dụng vay tiền và đã nhận đủ số tiền vay 150.000.000 đồng của Agribank. Mục đích vay là để chăn nuôi bò, dê sinh sản, sửa nhà và mua sắm vật dụng gia đình. Thời hạn vay là 36 tháng, tính từ ngày giải ngân. Lãi suất thỏa thuận thả nổi là 9%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Theo giấy nhận nợ lần thứ nhất số 7107LDS202111292 ngày 25/10/2021 thì kỳ hạn trả nợ gốc và lãi lần đầu là ngày 25/10/2022 phải trả 5.000.000 đồng; Ngày 25/10/2023 phải trả số tiền 15.000.000 đồng; Ngày 25/10/2024 phải trả 30.000.000 đồng. Sau khi giải ngân bà D, ông D1, ông N, bà N1 đã trả gốc và lãi phát sinh đầy đủ cho Agribank. Đến kỳ thanh toán thứ 2 ngày 25/10/2023 bà D, ông D1, ông N, bà N1 bắt đầu vi phạm hợp đồng không thanh toán nợ gốc và lãi đầy đủ cho Agribank.

Theo giấy nhận nợ lần thứ hai số 7107LDS202111293 ngày 25/10/2021 thì kỳ hạn trả nợ gốc và lãi lần đầu là ngày 25/10/2022 phải trả 30.000.000 đồng; Ngày 25/10/2023 phải trả số tiền 30.000.000 đồng; Ngày 25/10/2024 phải trả 40.000.000 đồng. Sau khi giải ngân bà D, ông D1, ông N, bà N1 đã trả gốc và lãi phát sinh đầy đủ cho Agribank. Đến kỳ thanh toán thứ 2 ngày 25/10/2023 bà D, ông D1, ông N, bà N1 bắt đầu vi phạm hợp đồng không thanh toán nợ gốc và lãi đầy đủ cho Agribank.

Theo giấy nhận nợ lần thứ ba số 7107LDS202212443 ngày 21/10/2022 thì kỳ hạn trả nợ gốc và lãi lần đầu là ngày 21/10/2023 phải trả 5.000.000 đồng; Ngày 21/10/2024 phải trả số tiền 10.000.000 đồng; Ngày 21/10/2024 phải trả 30.000.000 đồng. Sau khi giải ngân bà D, ông D1, ông N, bà N1 đã vi phạm hợp đồng không thanh toán nợ gốc và lãi đầy đủ cho Agribank.

Tại các biên bản xử lý nợ lần 1 ngày 06/11/2023; Lần 02 ngày 27/11/2023 và lần 03 ngày 25/12/2023 của Agribank làm việc với khách hàng thể hiện nội dung bà D cam kết trả hết số tiền nợ quá hạn phân kỳ và tắt nợ thẻ tín dụng Lộc Việt nhưng bà D, ông D1, ông N, bà N1 không thực hiện việc trả tiền gốc và lãi theo đúng như cam kết. Tại điểm b khoản 1 Điều 6 của hợp đồng tín dụng hai bên thỏa thuận Ngân hàng có quyền tạm ngừng cho vay, chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn trong trường hợp “Khách hàng vi phạm nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng này mà không có biện pháp khắc phục khả thi được Ngân hàng chấp nhận”. Tuy hiện nay bà D có biện pháp khắc phục đã trả được nợ gốc và lãi tại phân kỳ trả nợ lần thứ 2 theo giấy nhận nợ lần 1, 2 và phân kỳ trả nợ lần 1 theo

giấy nhận nợ lần 3, chỉ còn nợ lại số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng và lãi phát sinh nhưng biện pháp khắc phục của bà D không được Agribank chấp nhận. Mặc khác, khoản vay theo hợp đồng tín dụng của bà D đã chuyển sang nợ xấu, kéo theo toàn bộ khoản vay của bà D chuyển sang nợ xấu. Bà D không thanh toán nợ gốc và lãi khi đến hạn theo đúng như thỏa thuận mà hai bên đã ký kết là đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 7 của hợp đồng tín dụng số 7107LAV202106908 ngày 21/10/2021. Vì vậy, Agribank yêu cầu bà D, ông D1, ông N, bà N1 trả nợ trước hạn cho Agribank số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 31/7/2024 là 100.322.768 đồng, gồm tiền nợ gốc 100.000.000 đồng, lãi trong hạn là 322.768 đồng là có cơ sở được chấp nhận. Buộc bà D, ông D1, ông N, bà N1 có trách nhiệm trả cho Agribank số tiền nợ nêu trên. Bà D, ông D1, ông N, bà N1 còn phải tiếp tục trả lãi, phí phát sinh trên dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 7107LAV202106908 từ ngày 01/8/2024 cho đến khi trả hết nợ.

[2.2] Đối với hợp đồng thẻ tín dụng Lộc Việt, Agribank cho rằng bà D còn nợ số tiền gốc tính đến ngày 31/7/2024 là 27.271.603 đồng và 67.992 đồng tiền lãi. Agribank yêu cầu bà D, ông D1, ông N, bà N1 có trách nhiệm trả số tiền nợ nêu trên. Xét thấy, tại giấy đề nghị phát hành kèm hợp đồng thẻ Lộc Việt ngày 30/11/2022; Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ Lộc Việt ngày 30/11/2022 thể hiện do cá nhân bà D vay nhằm mục đích tiêu dùng cá nhân và không có tài sản bảo đảm. Tại phiên tòa Agribank cũng xác định bà D mở thẻ tín dụng vay tiền nhằm mục đích tiêu dùng cá nhân nên đây là khoản nợ riêng của bà D. Vì vậy, Agribank yêu cầu bà D có trách nhiệm trả số tiền nợ này là phù hợp được chấp nhận. Buộc bà D có trách nhiệm trả cho Agribank số tiền nợ thẻ tín dụng là 27.271.603 đồng và 67.992 đồng tiền lãi. Bà D còn phải tiếp tục trả lãi, phí phát sinh trên dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ Lộc Việt từ ngày 01/8/2024 cho đến khi trả hết nợ. Tại tòa Agribank xin rút yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông D1, ông N, bà N1 có trách nhiệm cùng bà D trả số tiền nợ thẻ tín dụng nêu trên. Đây là sự tự nguyện của Agribank phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử đình chỉ đối với phần yêu cầu này là phù hợp.

[2.3] Đối với yêu cầu Agribank được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là thửa đất số 209, tờ bản đồ số 17, diện tích 2.206,2m<sup>2</sup>, tọa lạc tại xã L, huyện G do ông D1, bà D đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thu hồi nợ. Xét thấy, căn cứ vào Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2021.07.21.288/HĐTC ngày 21/10/2021. Hợp đồng thế chấp do hai bên tự nguyện giao kết, được Ủy ban nhân dân xã L chứng thực và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký

đất đai huyện G ngày 22/10/2021 theo đúng quy định của pháp luật nên hợp đồng thế chấp là hợp pháp. Do bà D, ông D1, ông N, bà N1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ vay nên Agribank được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 323 của Bộ luật Dân sự được chấp nhận.

Như phân tích nêu trên thì yêu cầu khởi kiện của Agribank là có căn cứ được chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của Agribank được chấp nhận nên bà D, ông D1, ông N, bà N1 phải chịu án phí theo quy định là  $100.322.768 \text{ đồng} \times 5\% = 5.016.138 \text{ đồng}$  (làm tròn 5.016.000 đồng).

Bà D phải chịu án phí số tiền là  $27.339.595 \text{ đồng} \times 5\% = 1.366.979 \text{ đồng}$  (làm tròn 1.367.000 đồng).

Hoàn trả cho Agribank số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.507.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004904 ngày 03/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bến Tre.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 217, 227, 228, 273, 278 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 7, 8 của Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng với bà Phạm Thị D, ông Phạm Văn D1, ông Phạm Minh N, bà Phạm Ái N1.

Buộc bà Phạm Thị D, ông Phạm Văn D1, ông Phạm Minh N, bà Phạm Ái N1 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng N (do Chi nhánh huyện G Bến Tre đại diện nhận) số tiền nợ tính đến ngày 31/7/2024 là 100.322.768đ (Một trăm triệu ba trăm hai mươi hai nghìn bảy trăm sáu mươi tám đồng). Trong đó tiền gốc 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), lãi trong hạn là 322.768đ (Ba trăm hai mươi hai nghìn bảy trăm sáu mươi tám đồng).

Bà Phạm Thị D, ông Phạm Văn D1, ông Phạm Minh N, bà Phạm Ái N1 còn phải tiếp tục trả lãi, phí phát sinh trên dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 7107LAV202106908 từ ngày 01/8/2024 cho đến khi trả hết nợ.

Trong trường hợp bà Phạm Thị D, ông Phạm Văn D1, ông Phạm Minh N, bà Phạm Ái N1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng N được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là thửa đất số 209, tờ bản đồ số 17, diện tích 2.206,2m<sup>2</sup> (đất trồng cây lâu năm), tọa lạc tại xã L, huyện G do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 22/10/2019 cho ông Phạm Văn D1, bà Phạm Thị D theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 576526, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS07656 để thu hồi nợ.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N về việc tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng đối với bà Phạm Thị D.

Buộc bà Phạm Thị D có trách nhiệm trả cho Ngân hàng N (do Chi nhánh huyện G Bến Tre đại diện nhận) số tiền nợ tạm tính đến ngày 31/7/2024 là 27.339.595đ (Hai mươi bảy triệu ba trăm ba mươi chín nghìn năm trăm chín mươi lăm đồng). Trong đó tiền gốc 27.271.603đ (Hai mươi bảy triệu hai trăm bảy mươi một nghìn sáu trăm lẻ ba đồng), lãi trong hạn là 67.992đ (Sáu mươi bảy nghìn chín trăm chín mươi hai đồng).

Bà D còn phải tiếp tục trả lãi, phí phát sinh trên dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ Lộc Việt từ ngày 01/8/2024 cho đến khi trả hết nợ.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N về việc yêu cầu ông Phạm Văn D1, ông Phạm Minh N, bà Phạm Ái N1 có trách nhiệm cùng bà D trả số tiền nợ thẻ tín dụng 27.339.595đ (Hai mươi bảy triệu ba trăm ba mươi chín nghìn năm trăm chín mươi lăm đồng).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phạm Thị D, ông Phạm Văn D1, ông Phạm Minh N, bà Phạm Ái N1 phải chịu số tiền là 5.016.000đ (Năm triệu không trăm mười sáu nghìn đồng).

Bà Phạm Thị D phải chịu số tiền là 1.367.000đ (Một triệu ba trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng N (do Chi nhánh huyện G Bến Tre đại diện nhận) số tiền là 4.507.000đ (Bốn triệu năm trăm lẻ bảy nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004904 ngày 03/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bến Tre theo biên lai nêu trên.

Quyền kháng cáo, kháng nghị: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị và đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được thông báo, niêm yết.



Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện G;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Nguyễn Khắc Giang**